

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 4.3.2023**

---

Ba bài kinh sau cùng của Phẩm Thập Lực là: Kinh Tỳ Khuru (*Bhikkhusuttaṃ*). Kinh Sa Môn, Bà La Môn I (*Samaṇabrāhmaṇasuttaṃ*). Kinh Sa Môn, Bà La Môn II (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasuttaṃ*) có nội dung giống như Kinh Phân Tích Duyên. Chỉ khác ở điểm là Đức Phật dạy thế nào là một tỳ khuru đúng nghĩa hay một sa môn, bà la môn đúng nghĩa. Hai bài Kinh Sa Môn, Bà La Môn I và II chỉ khác biệt *pajānāti* và *parijānāti* mà theo Sớ Giải chỉ là giúp cho người tụng đọc thuận miệng chứ không khác biệt về nghĩa.

## **SANH SỰ, SỰ SANH**

### **Kinh Sự Sanh (Bhūtasuttaṃ)**

**Tập II – Thiên Nhân Duyên**

**Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - Phẩm Kalāra – Vị Sát Đế Ly (S. ii, 47)**

*Tất cả pháp hữu vi do duyên mà sanh cũng do duyên mà diệt. Sanh diệt vốn là bản chất cố hữu không thể tránh khỏi. Chúng sanh chấp thủ vì vốn không nhận rõ bản chất “có sanh hẳn phải diệt, tịch tịnh là an lạc”. Cả hai sự hiển sinh và nhân tập khởi đều là hữu vi pháp. Rất khó hiểu được niết bàn nếu không quán triệt bản chất của sanh tử.*



**Kinh Văn**

**Ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati. Tatra kho bhagavā āyasmantaṃ sārīputtaṃ āmantesi – “vuttamidam, sārīputta, pārāyane ajitapañhe –**

**“Ye ca saṅkhātaḍḍhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;  
Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārisā”ti.**

**“Imassa nu kho, sārīputta, saṃkhittena bhāsītassa kathaṃ vitthārena attho daṭṭhabbo”ti?**

Một thuở Đức Thế Tôn ngự tại Sāvātthi.

Bấy giờ Thế Tôn nói với Tôn giả Sārīputta:

-- Nay Sārīputta, trong kinh Parāyana, phần các câu hỏi của Ajita có đoạn:

Ai bậc liễu tri pháp?

Ai chur vị hữu học?

Khi hỏi về hạnh đức

Hiền giả, hãy trả lời

Này Sārīputta, lời nói ngắn gọn này nên được hiểu rộng rãi thế nào?

**Evam vutte, āyasmā sārīputto tuṇhī ahoṣi. Dutiyampi kho bhagavā āyasmantaṃ sārīputtaṃ āmantesi...pe... dutiyampi kho āyasmā sārīputto tuṇhī ahoṣi. Tatiyampi kho bhagavā āyasmantaṃ sārīputtaṃ āmantesi – “vuttamidaṃ, sārīputta, pārāyane ajitapañhe –**

**“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha; Tesam me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārīsā”ti.**

**“Imassa nu kho, sārīputta, saṃkhittena bhāsītassa kathaṃ vitthārena attho daṭṭhabbo”ti? Tatiyampi kho āyasmā sārīputto tuṇhī ahoṣi.**

Được hỏi vậy, Tôn giả Sārīputta im lặng.

Lần thứ hai, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Sārīputta... (như trên)...

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Sārīputta... (như trên)...

Được hỏi vậy, Tôn giả Sārīputta im lặng.

**“Bhūtamidanti, sārīputta, passasī”ti? Bhūtamidanti, bhante, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtaṃ nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidāya virāgāya nirodhāya**

**paṭipanno hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Evaṃ kho, bhante, sekkho hoti.**

-- Này Sāriputta, Ông có thấy sự sanh? Này Sāriputta, Ông có thấy cái sự sanh?

-- Bạch Đức Thế Tôn, một vị với chánh trí thật sự biết rõ: “Đây là sự sanh”. Sau khi thấy biết rõ “Đây là sự sanh” vị ấy tu tập hướng tới sự nhàm chán, ly tham, tịch tịnh của sự sanh.

Vị ấy với chánh trí hiểu: “Sự sanh do chất liệu nuôi dưỡng (tứ thực)”. Sau khi biết rõ: “Sự sanh do chất liệu nuôi dưỡng” vị ấy tu tập hướng tới nhàm chán, ly tham, tịch tịnh chất liệu nuôi dưỡng (sự sanh).

Vị ấy với chánh trí hiểu: “Sanh sự chấm dứt sự sanh cũng chấm dứt”. Sau khi biết rõ: “Sanh sự chấm dứt sự sanh cũng chấm dứt”. vị ấy tu tập hướng tới nhàm chán, ly tham, tịch tịnh “Sanh sự sự sanh”.

Bạch Đức Thế Tôn như vậy là bậc hữu học (trên hành trình tu tập)

**“Kathaṅca, bhante, saṅkhātadhammo hoti? Bhūtamidanti, bhante, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtaṃ nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Evaṃ kho, bhante, saṅkhātadhammo hoti. Iti kho, bhante, yaṃ taṃ vuttaṃ pārāyane ajitapaṅhe**

**“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha; Tesam me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārisā”ti.**

**“Imassa khvāhaṃ, bhante, saṃkhittena bhāsitassa evaṃ vitthārena atthaṃ ājānāmī”ti.**

-- Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là bậc liễu pháp? một vị với chánh trí thật sự biết rõ: Đây là sự sanh”. Sau khi thấy biết rõ “Đây là sự sanh” với sự ly tham, tịch tịnh vị ấy không vướng mắc.

Vị ấy với chánh trí hiểu: “Sự sanh do chất liệu nuôi dưỡng (tứ thực)”. Sau khi biết rõ: “Sự sanh do chất liệu nuôi dưỡng” với sự ly tham, tịch tịnh vị ấy không vướng mắc.

Vị ấy với chánh trí hiểu: “Sanh sự chấm dứt sự sanh cũng chấm dứt”. Sau khi biết rõ: “Sanh sự chấm dứt sự sanh cũng chấm dứt”. với sự ly tham, tịch tịnh vị ấy không vướng mắc.

Bạch Đức Thế Tôn, như vậy là bậc vô học (đã hoàn tất hành trình tu tập)

Bạch Đức Thế Tôn, trong kinh Parāyana, phần các câu hỏi của Ajita có đoạn:

Ai bậc liễu tri pháp?  
Ai chư vị hữu học?  
Khi hỏi về hạnh đức  
Hiền giả, hãy trả lời

Bạch Đức Thế Tôn, lời nói ngắn gọn này con hiểu rộng rãi như vậy.

**“Sādhū sādhū, sārīputta, bhūtamidanti, sārīputta, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtaṃ nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Evaṃ kho, sārīputta, sekkho hoti.**

**“Kathaṅca, sārīputta, saṅkhātadhammo hoti? Bhūtamidanti, sārīputta, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ**

sammappaññāya disvā bhūtaṃ nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti.  
Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati.  
Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā  
āhārasambhavassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti.  
Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ  
sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ  
nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa  
nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Evaṃ kho, sārīputta,  
saṅkhātadhammo hoti. Iti kho, sārīputta, yaṃ taṃ vuttaṃ pārāyane ajitapañhe

–  
“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;  
Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārisā”ti.

“Imassa kho sārīputta saṅkhittena bhāsītassa evaṃ vitthārena attho  
daṭṭhabbo”ti. Paṭhamāṃ.

-- Lành thay, lành thay! này Sārīputta ...(Đức Thế Tôn lập lại những gì Tôn giả Sārīputta)

Này Sārīputta, lời nói ngắn gọn này nên được hiểu rộng rãi như vậy.

### Chú Thích

*Chữ bhūta có nhiều nghĩa. Ở đây có là sự sanh, sự hiển sanh, sự cấu thành. Ở đây chỉ cho năm uẩn hay pháp hữu vi.*

*Chữ āhāra có nghĩa là dưỡng tố, thức ăn, chất liệu nuôi dưỡng thường được gọi là tứ thực (đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực)*

*Theo Sớ giải bậc liễu pháp (saṅkhātadhammā) đồng nghĩa với bậc a la hán hoàn toàn giải thoát, cũng gọi là bậc vô học hay bậc không cần tu tập thêm gì nữa (asekha)*

*Các bậc hữu học (sekha) ở đây chỉ cho bảy bậc thánh từ sơ đạo đến sơ quả là những bậc còn tiến tu giới, định, tuệ trước khi thành tựu quả vị viên giác. Chữ puthū chỉ cho “chư vị” vì có tới bảy bậc.*

*Theo Sớ Giải, Tôn giả Sārīputta giữ im lặng dù Đức Thế Tôn hỏi ba lần không phải vì Ngài không hiểu ý nghĩa của bài kệ mà muốn biết Đức Thế Tôn hỏi với khía cạnh nào nên khi Đức Phật nêu là “sự sanh” thì Ngài trả lời.*

*Câu trả lời của Tôn giả Sāriputta hàm ý tất cả sự sanh khởi do duyên thì bản chất đều hoại diệt. Biết rõ cả sự tương quan giữa sự sanh và sanh sự thì các bậc thánh không ái chấp “pháp sanh do duyên hay pháp hữu vi” vì “cái gì do duyên mà sanh ắt phải hoại diệt” như một người hiểu rõ “có vay thì phải có trả” nên không thích thú sống trong sự vay mượn.*

*Sự khác biệt giữa hai bậc liễu pháp và chư vị hữu học tiến tu là khi chưa hoàn toàn giác ngộ thấy thực tướng sanh do duyên, diệt do duyên thì tinh tấn tu tập; một khi hoàn toàn giải thoát thì khi nhìn vạn hữu với tâm an nhiên không chấp thủ.*

*Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch*

## **1. Bhūtasuttam**

**31.** Ekam samayaṃ bhagavā sāvaththiyaṃ viharati. Tatra kho bhagavā āyasmantaṃ sāriputtaṃ āmantesi – “vuttamidaṃ, sāriputta, pārāyane [pārāyaṇe (sī.)] ajitapañhe

–  
“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;  
Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārīsā”’ti.

“Imassa nu kho, sāriputta, saṃkhittena bhāsitassa kathaṃ vitthārena attho daṭṭhabbo”’ti? Evaṃ vutte, āyasmā sāriputto tuṅhī ahoṣi. Dutiyampi kho bhagavā āyasmantaṃ sāriputtaṃ āmantesi...pe... dutiyampi kho āyasmā sāriputto tuṅhī ahoṣi. Tatiyampi kho bhagavā āyasmantaṃ sāriputtaṃ āmantesi – “vuttamidaṃ, sāriputta, pārāyane ajitapañhe –

“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;  
Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārīsā”’ti.

“Imassa nu kho, sāriputta, saṃkhittena bhāsitassa kathaṃ vitthārena attho daṭṭhabbo”’ti? Tatiyampi kho āyasmā sāriputto tuṅhī ahoṣi.

“Bhūtamidanti, sāriputta, passasī”’ti? Bhūtamidanti, bhante, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtaṃ nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti

yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Evaṃ kho, bhante, sekkho hoti.

“Kathañca, bhante, saṅkhātadhammo hoti? Bhūtamidanti, bhante, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Evaṃ kho, bhante, saṅkhātadhammo hoti. Iti kho, bhante, yaṃ taṃ vuttaṃ pārāyane ajitapañhe –

“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;  
Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārisā”’ti.

“Imassa khvāhaṃ, bhante, saṃkhittena bhāsitassa evaṃ vitthārena attham ājānāmī”’ti.

“Sādhu sādhu, sāriputta, bhūtamidanti, sāriputta, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidāya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti. Evaṃ kho, sāriputta, sekkho hoti.

“Kathañca, sāriputta, saṅkhātadhammo hoti? Bhūtamidanti, sāriputta, yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Bhūtamidanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā bhūtassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhārasambhavanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā āhārasambhavassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya passati. Tadāhāranirodhā yaṃ bhūtaṃ taṃ nirodhadhammanti yathābhūtaṃ sammappaññāya disvā nirodhadhammassa nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti. Evaṃ kho, sāriputta, saṅkhātadhammo hoti. Iti kho, sāriputta, yaṃ taṃ vuttaṃ pārāyane ajitapañhe –

“Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;  
Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārisā”ti.

“Imassa kho sārīputta saṅkhittena bhāsitassa evaṃ vitthārena attho daṭṭhabbo”ti.  
Paṭhamam.

## 1. Bhūtasuttavaṇṇanā

31. Kaḷārakhattiyavaggassa pathame **ajitapañheti** ajitamāṇavena pucchitapañhe. **Saṅkhātadhammāseti** saṅkhātadhammā vuccanti ñātadhammā tulitadhammā tīritadhammā. **Sekkhāti** satta sekkhā. **Puthūti** teyeva satta jane sandhāya puthūti vuttam. **Idhāti** imasmiṃ sāsane. **Nipakoti** nepakkam vuccati paññā, tāya samannāgatattā nipako, tvaṃ paṇḍito pabrūhīti yācati. **Iriyanti** vuttim ācāram gocaram vihāram paṭipattim. **Mārisāti** bhagavantam ālapati. Sekkhānañca saṅkhātadhammānañca khīṇāsavānañca paṭipattim mayā pucchito paṇḍita, mārisa, mayham kathehīti ayamettha saṅkhepattho.

**Tuṇhī ahoṣīti** kasmā yāva tatiyaṃ puṭṭho tuṇhī ahoṣi? Kiṃ pañhe kaṅkhati, udāhu ajjhāsayeti? Ajjhāsaye kaṅkhati, no pañhe. Evaṃ kirassa ahoṣi – “sathā maṃ sekkhāsekkhānaṃ āgamanīyapaṭipadaṃ kathāpetukāmo; sā ca khandhavasena dhātuvasena āyatanavasena paccayākāravasenāti bahūhi kāraṇehi sakkā kathetuṃ. Kathaṃ kathento nu kho sathu ajjhāsayaṃ gahetvā kathetuṃ sakkhissāmī”ti? Atha sathā cintesi – “ṭhapetvā maṃ añño pattam ādāya caranto sāvako nāma paññāya sārīputtasamo natthi. Ayampi mayā pañham puṭṭho yāva tatiyaṃ tuṇhī eva. Pañhe nu kho kaṅkhati, udāhu ajjhāsaye”ti. Atha “ajjhāsaye”ti ñatvā pañhakathanatthāya nayaṃ dadamāno **bhūtamidanti, sārīputta, passasīti** āha.

Tattha **bhūtanti** jātam nibbattam, khandhapañcakassetam nāmam. Iti sathā “pañcakkhandhavasena, sārīputta, imaṃ pañham kathehī”ti therassa nayaṃ deti. Sahanayadānena pana therassa tīre ṭhitapurisassa vivaṭo ekaṅgaṇo mahāsamuddo viya nayasatena nayasahassena pañhabyākaraṇam upaṭṭhāsi. Atha naṃ byākaronto bhūtamidanti, bhantetiādīmāha. Tattha **bhūtamidanti** idaṃ nibbattam khandhapañcakaṃ. **Sammappaññāya passatīti** saha vipassanāya maggapaññāya sammā passati. **Paṭipanno hotīti** sīlato paṭṭhāya yāva arahattamaggā nibbidādīnam atthāya paṭipanno hoti. **Tadāhārasambhavanti** idaṃ kasmā ārabhi? Etaṃ khandhapañcakaṃ āhāram paṭicca ṭhitam, tasmā taṃ āhārasambhavaṃ nāma katvā dassetuṃ idaṃ ārabhi. Iti imināpi pariyāyena sekkhapaṭipadā kathitā hoti. **Tadāhāranirodhāti** tesam āhāraṇam nirodhena. Idaṃ kasmā ārabhi? Tañhi khandhapañcakaṃ āhāranirodhā nirujjhati, tasmā taṃ āhāranirodhasambhavaṃ



nāma katvā dassetuṃ idaṃ ārabhi. Iti imināpi pariyāyena sekkhasseva paṭipadā kathitā. **Nibbidāti** ādīni sabbāni kāraṇavacanānīti vedītabbāni. **Anupādā vimuttoti** catūhi upādānehi kañci dhammaṃ agahetvā vimutto. **Sādhu sādhu**ti iminā therassa byākaraṇaṃ sampahaṃsetvā sayampi tatheva byākaronto puna ‘‘bhūtamida’’ntiādimāhāti. Paṭhamaṃ.